

Bản án số: 165/2022/DS-ST
Ngày 13 - 9- 2022
V/v tranh hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến

Bà Ngô Hồng Dưỡng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam D.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 250/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Khải T, sinh năm 1963; cư trú tại: Khóm 2, thị trấn Đam D, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Đỗ Hạnh Q, sinh năm 1968, cư trú tại: khóm 2, thị trấn Đam D, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Đ, cư trú tại: Ấp Thanh T, xã Thanh T, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ông Phạm Trường H, cư trú tại: Ấp Thanh T, xã Thanh T, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Trần Khải T, lời trình bày của bà Q – người đại diện theo ủy quyền của ông T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện:

Ông Khải T với bà Đ và ông H có hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm công nghiệp từ năm 2011, thỏa thuận đầu tư thuốc và thức ăn nuôi tôm công nghiệp 100% cho ông H và bà Đ, ông H và bà Đ sẽ trả sau cuối mỗi vụ nuôi. Quá trình hợp tác làm ăn, qua các vụ nuôi đầu ông H và bà Đ có thanh toán tiền thức ăn như cam kết nhưng không đầy đủ, mỗi vụ thiếu một ít. Lần gần nhất vào

ngày 13/5/2020 ông H và bà Đ còn thiếu số tiền 293.182.000 đồng; vụ cuối cùng ông H và bà Đ thu hoạch tôm và bỏ đi khỏi địa phương ngày 29/8/2020 còn nợ ông KH T số tiền 218.572.000 đồng. Nay ông Trần KH T yêu cầu ông Phạm Trường H, bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 511.754.000 đồng.

Ông Phạm Trường H và bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông H và bà Đ không có ý kiến đối với nội dung và yêu cầu khởi kiện của ông Trần Khải T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Trường H và bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H và bà Đ là phù hợp.

[2] Về nội dung: Theo bà Q trình bày ông T với ông H và bà Đ có hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm công nghiệp từ năm 2011 và theo sổ đối chiếu công nợ từ năm 2011 đến năm 2020 giữa ông T với ông H và bà Đ, Hội đồng xét xử xét thấy, ông H và bà Đ có hợp đồng mua thức ăn nuôi tôm công nghiệp với ông Khải T. Quá trình mua bán, ông H và bà Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, số dư nợ khi kết thúc vụ nuôi vào ngày 13/5/2020 là 293.182.000 đồng, có chữ ký xác nhận dư nợ của bà Nguyễn Thị Đ. Đối với vụ nuôi sau cùng vào ngày 27/5/2020 khi lên tôm xong thì ông H và bà Đ không thanh toán nợ cũ cũng như chi phí ở vụ nuôi sau cùng mà rời khỏi địa phương. Ngày 02/9/2020 ông T có đến trình báo và gửi đơn yêu cầu đến trưởng ban nhân dân ấp Thanh T yêu cầu giải quyết. Số tiền theo ông T xác định ông H và bà Đ còn nợ vụ nuôi sau cùng là 218.182.000 đồng.

Theo xác nhận của ông Lâm Như L là Trưởng ban nhân dân ấp Thanh T thể hiện, vào ngày 02/9/2020 ông T và bà Q có gửi đơn yêu cầu đến ông Lâm về việc ông H và bà Đ rời khỏi địa phương, không thanh toán tiền nợ sau khi lên tôm. Ông Lâm xác định theo đơn yêu cầu của ông T và bà Q là đúng sự thật. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù ở vụ nuôi tôm sau cùng, ông H và bà Đ không ký tên vào việc đối chiếu công nợ nhưng có cơ sở xác định được sau khi lên tôm đã trốn tránh nghĩa vụ bằng cách rời khỏi địa phương, theo đơn ông T gửi đến ấp Thanh T thể hiện số nợ ở vụ nuôi sau cùng là 218.182.000 đồng nên có cơ sở xác định công nợ trong vụ nuôi sau cùng là 218.182.000 đồng.

Ông H và bà Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để biết được yêu cầu khởi kiện của ông H, nhưng ông, bà không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án. Như vậy, nội dung và yêu cầu khởi kiện của ông T thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Khải T buộc ông H và bà Đ trả cho ông Trần Khải T tổng số tiền nợ 511.754.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Khải T không phải chịu, ông T đã nộp tạm ứng án phí được hoàn lại. Ông H và bà Đ phải chịu 24.470.000 đồng (20.000.000 đồng + (111.754.000 đồng x 4%) = 24.470.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 433, Điều 434 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Khải T, buộc ông Phạm Trường H và bà Nguyễn Thị Đ trả cho ông Trần Khải T số tiền 511.754.000 đồng (năm trăm mười một triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Trần Khải T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H và bà Đ chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông H và bà Đ còn pH chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Ông Trần Khải T không phải chịu, ngày 14 tháng 6 năm 2022 đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 12.235.000đ (mười hai triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0012594 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D, được nhận lại. Ông Phạm Trường H và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 24.470.000 đồng (hai mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng). Ông H và bà Đ chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai

